

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số **592** /QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 05 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động vì trẻ em
tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Trẻ em ngày 05/4/2016;

*Căn cứ Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em;*

*Căn cứ Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 07/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về
việc phê duyệt Chương trình hành động Quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021- 2030;*

*Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số
604/TTr-LĐTĐ ngày 16/4/2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động vì trẻ em tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2030.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND-tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như Điều 2;
- CT, PCT UBND tỉnh (ông Hưng);
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, TP;
- Hội Bảo trợ NKT và TE tỉnh;
- CVP;
- Lưu:VT, VXNV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**


Phạm Duy Hưng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bắc Kạn, ngày 05 tháng 5 năm 2021

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình hành động vì trẻ em tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 592/QĐ-UBND ngày 05/5/2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Bảo đảm thực hiện các quyền trẻ em, phát triển toàn diện trẻ em nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng cho phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế; tạo lập môi trường sống an toàn, lành mạnh và thân thiện, góp phần hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an sinh xã hội của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 và Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu 1: Về phát triển toàn diện trẻ em, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ em

- Chi tiêu 1: Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em đạt 75% vào năm 2025 và 80% vào năm 2030.

- Chi tiêu 2: Tỷ lệ trẻ em đến 8 tuổi được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ chăm sóc phát triển toàn diện đạt 80% vào năm 2025 và 85% vào năm 2030.

- Chi tiêu 3: Giảm tỷ suất tử vong trẻ sơ sinh trên 1.000 trẻ đẻ sống dưới 5‰ vào năm 2025 và dưới 3‰ vào năm 2030; giảm tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống xuống dưới 10‰ vào năm 2025 và dưới 8‰ vào năm 2030; giảm tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống dưới 15‰ vào năm 2025 và dưới 10‰ vào năm 2030.

- Chi tiêu 4: Phân đầu giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể cân nặng theo tuổi xuống 16,5% vào năm 2025 và dưới 16,0% vào năm 2030; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể chiều cao theo tuổi xuống 26,9% vào năm 2025 và dưới 26,4% vào năm 2030; giảm tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể béo phì xuống dưới 5% đối với nông thôn và dưới 10% đối với thành thị vào năm 2025 và năm 2030.

- Chỉ tiêu 5: Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin đạt trên 97% vào năm 2025 và đạt trên 98% vào năm 2030; đạt trên 95% trẻ em dưới 5 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 6: Tỷ lệ lây truyền HIV từ mẹ sang con là 0% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 7: Phần đầu 100% cơ sở giáo dục cho trẻ em có công trình vệ sinh vào năm 2025 và duy trì 100% đến năm 2030.

b) Mục tiêu 2: Về bảo vệ trẻ em

- Chỉ tiêu 8: Giảm tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên tổng số trẻ em xuống dưới 1,2% vào năm 2025 và dưới 1% vào năm 2030; 90% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp vào năm 2025 và 95% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 9: Giảm tỷ lệ trẻ em bị xâm hại trên tổng số trẻ em xuống dưới 0,1% vào năm 2025 và xuống dưới 0,05% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 10: Phần đầu giảm tỷ lệ lao động trẻ em và người chưa thành niên từ 5 đến 17 tuổi xuống 1,5% vào năm 2025 và xuống dưới 1% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 11: Giảm tỷ suất trẻ em bị tai nạn thương tích xuống 4/1.000 trẻ em vào năm 2025 và 3/1.000 vào năm 2030; giảm tỷ suất trẻ em bị tử vong do tai nạn thương tích xuống còn 0,1/1.000 trẻ em vào năm 2025 và năm 2030.

- Chỉ tiêu 12: Phần đầu 100% trẻ em gặp thiên tai, thảm họa được cứu trợ, hỗ trợ kịp thời.

- Chỉ tiêu 13: Từng bước xóa bỏ tình trạng tảo hôn, duy trì mức giảm số cuộc tảo hôn từ 2 đến 3% hàng năm giai đoạn từ năm 2025 đến năm 2030.

- Chỉ tiêu 14: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được đăng ký khai sinh đạt 98,5% vào năm 2025, phần đầu đạt 100% vào năm 2030.

c) Mục tiêu 3: Về giáo dục, văn hóa, vui chơi, giải trí cho trẻ em

- Chỉ tiêu 15: Phần đầu tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được phát triển phù hợp về sức khỏe, học tập và tâm lý xã hội đạt 72% vào năm 2025 và 75% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 16: Tỷ lệ huy động trẻ em 5 tuổi đi học mẫu giáo đạt 100% vào năm 2025 và 100% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 17: Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp tiểu học đạt 99,54% vào năm 2025 và đạt 99,60% vào năm 2030; phần đầu giảm tỷ lệ trẻ em bỏ học bậc tiểu học dưới 0,1% vào năm 2025 và dưới 0,08% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 18: Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp trung học cơ sở đạt 100% vào năm 2025 và đạt 100% vào năm 2030; phần đầu giảm tỷ lệ trẻ em bỏ học cấp trung học cơ sở dưới 0,13% vào năm 2025 và dưới 0,04% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 19: Phần đầu 100% trường học có dịch vụ hỗ trợ tâm lý trẻ em vào

năm 2025.

- Chỉ tiêu 20: Tỷ lệ trường học có cơ sở hạ tầng và tài liệu phù hợp với học sinh, sinh viên khuyết tật đạt 55% vào năm 2025 và 60% vào năm 2030; tỷ lệ trẻ em khuyết tật có nhu cầu học tập được tiếp cận giáo dục chuyên biệt, giáo dục hòa nhập và hỗ trợ phục hồi chức năng phù hợp đạt 75% vào năm 2025 và đạt 85% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 21: Phần đầu tỷ lệ các xã, phường, thị trấn có điểm văn hóa, vui chơi dành cho trẻ em đạt 40% vào năm 2025 và 45% vào năm 2030.

d) Mục tiêu 4: Về sự tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em

- Chỉ tiêu 22: Phần đầu 20% trẻ em từ 07 tuổi trở lên được hỏi ý kiến về các vấn đề của trẻ em với các hình thức phù hợp vào năm 2025 và 30% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 23: Phần đầu 80% trẻ em được nâng cao nhận thức, năng lực về quyền tham gia của trẻ em vào năm 2025 và 90% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 24: Tỷ lệ trẻ em từ 11 tuổi trở lên được tham gia vào các mô hình, hoạt động thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em đạt 25% vào năm 2025 và 30% vào năm 2030.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự chỉ đạo, hướng dẫn, phối hợp của các Sở, ngành, địa phương đối với việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình

a) Xây dựng đề án, chương trình, kế hoạch cụ thể để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2025 và đến năm 2030.

b) Bảo đảm việc lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hằng năm của Sở, ngành, địa phương và xác định cụ thể cơ chế, nguồn lực thực hiện.

c) Người đứng đầu Sở, ngành, địa phương chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các chính sách, chương trình, kế hoạch, mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em và giải quyết các vấn đề về trẻ em thuộc lĩnh vực, phạm vi Sở, ngành, địa phương quản lý.

2. Triển khai thực hiện pháp luật, chính sách bảo đảm thực hiện quyền trẻ em và giải quyết các vấn đề về trẻ em

a) Triển khai các chính sách hỗ trợ chăm sóc, phát triển toàn diện trẻ em đến 8 tuổi, đặc biệt giai đoạn 36 tháng tuổi; các chính sách trợ giúp nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em dân tộc thiểu số và miền núi, trẻ em trong các hộ gia đình nghèo, cận nghèo, trẻ em bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh, thảm họa.

b) Triển khai thực hiện pháp luật, chính sách về bảo vệ trẻ em, phòng, chống xâm hại trẻ em, tư pháp thân thiện với trẻ em và người chưa thành niên.

3. Phát triển hệ thống dịch vụ đáp ứng thực hiện quyền trẻ em có sự lồng ghép và phối hợp giữa các dịch vụ y tế, giáo dục, tư pháp và các dịch vụ an sinh xã hội; ưu tiên hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em

a) Triển khai xây dựng và phát triển các mạng lưới, mô hình cung cấp dịch vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em có sự lồng ghép, phối hợp, chuyên tuyến liên ngành, liên cấp theo hình thức dịch vụ một cửa và các gói dịch vụ tiếp cận trẻ em, cha mẹ và người chăm sóc trẻ em tại gia đình và cộng đồng.

b) Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ công tác viên làm công tác trẻ em; đội ngũ cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục, tư pháp, bảo vệ trẻ em và các dịch vụ an sinh xã hội khác.

c) Duy trì, phát triển hệ thống cơ sở có chức năng, nhiệm vụ chuyên biệt cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em cấp tỉnh (*Trung tâm Giáo dục trẻ em khuyết tật tỉnh Bắc Kạn*); duy trì và mở rộng hoạt động của cơ sở có một phần chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em (*Cơ sở Bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Bắc Kạn*).

4. Tăng cường truyền thông, giáo dục về kiến thức, kỹ năng thực hiện quyền, bổn phận của trẻ em; vận động xã hội thực hiện các mục tiêu về trẻ em và giải quyết các vấn đề về trẻ em

a) Đa dạng sản phẩm và các hình thức truyền thông, giáo dục, vận động xã hội trên các phương tiện thông tin đại chúng, môi trường mạng và truyền thông trực tiếp đến gia đình, cơ sở giáo dục và cộng đồng.

b) Chú trọng truyền thông, giáo dục nâng cao kiến thức, kỹ năng thực hiện quyền trẻ em; chăm sóc, phát triển toàn diện trẻ em; tạo lập môi trường sống an toàn, thân thiện cho trẻ em; phòng, chống xâm hại trẻ em; bảo vệ trẻ em trong quá trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính; bảo vệ trẻ em trong thiên tai, dịch bệnh; phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em; thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề của trẻ em.

5. Bảo đảm nguồn lực thực hiện quyền trẻ em và các mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em; ưu tiên bố trí nguồn lực về bảo vệ trẻ em

a) Từng bước hoàn thiện cơ cấu tổ chức và nhân lực để tăng cường hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về trẻ em; tăng cường phối hợp liên ngành; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em; chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành, cung cấp dịch vụ thực hiện quyền trẻ em.

b) Nâng cao năng lực người được giao làm công tác bảo vệ trẻ em các cấp;

vận động nguồn lực để phát triển mạng lưới cộng tác viên bảo vệ trẻ em tại cơ sở.

c) Sở, ngành và địa phương có trách nhiệm bố trí ngân sách để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình; ưu tiên các mục tiêu, chỉ tiêu về bảo vệ trẻ em.

6. Hội nhập và hợp tác quốc tế về quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em mang tính toàn cầu và khu vực.

a) Tích cực chủ động phối hợp với tổ chức Childfund tại Việt Nam và các tổ chức quốc tế khác (nếu có) triển khai các hoạt động thực hiện quyền trẻ em.

b) Tích cực trao đổi và áp dụng sáng tạo các giải pháp, kinh nghiệm, mô hình hay trong việc thực hiện quyền trẻ em, thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững và giải quyết các vấn đề liên quan đến trẻ em.

7. Vận động nguồn lực và sự tham gia của xã hội

a) Vận động sự tham gia đóng góp nguồn lực của các tổ chức, doanh nghiệp, gia đình, cá nhân trong việc thực hiện quyền trẻ em, các mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em và giải quyết các vấn đề về trẻ em.

b) Khuyến khích hoạt động của Quỹ bảo trợ trẻ em các cấp, Quỹ vì người nghèo để hỗ trợ việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình.

c) Tăng cường sự quản lý, điều phối của các cơ quan quản lý nhà nước đối với việc huy động, sử dụng nguồn lực xã hội cho trẻ em đảm bảo công bằng, minh bạch, hiệu quả.

8. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra; xây dựng cơ sở dữ liệu theo dõi, đánh giá việc thực hiện pháp luật, chính sách, chương trình, mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em.

a) Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật, chính sách về trẻ em; giải quyết kịp thời khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về trẻ em; giải quyết, đôn đốc việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của trẻ em, cha mẹ, người giám hộ, tổ chức đại diện tiếng nói nguyện vọng của trẻ em.

b) Thống kê, báo cáo về tình hình trẻ em, thực hiện chính sách, pháp luật về quyền trẻ em; thực hiện các khảo sát, điều tra, nghiên cứu về trẻ em, tình hình xâm hại trẻ em và các tác động đến việc thực hiện quyền trẻ em.

c) Tiếp tục triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu về trẻ em, bảo đảm chất lượng thông tin về trẻ em.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán hằng năm của các Sở, ngành, tổ

chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp và các địa phương; các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án, đề án liên quan khác theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Tài trợ, viện trợ quốc tế và huy động từ xã hội, cộng đồng, các nguồn hợp pháp khác.

- Các Sở, ngành, địa phương căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm chỉ đạo, lập dự toán ngân sách hằng năm để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì xây dựng, hướng dẫn triển khai các chương trình, đề án, kế hoạch để thực hiện Chương trình và các chỉ tiêu 1, 2, 8, 9, 10, 11, 12, 22, 23, 24 của Chương trình; đưa, lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình thuộc trách nhiệm, thẩm quyền trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Hướng dẫn, triển khai các hoạt động truyền thông, giáo dục, vận động xã hội về thực hiện quyền trẻ em và giải quyết các vấn đề về trẻ em.

- Xây dựng, hướng dẫn, thực hiện và phát triển các mô hình phát triển toàn diện trẻ em, dịch vụ bảo vệ trẻ em và phòng, chống xâm hại trẻ em, thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em; phối hợp với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh xây dựng và phát triển mô hình Hội đồng trẻ em các cấp.

- Nâng cao năng lực quản lý, cung cấp dịch vụ, kỹ năng bảo vệ, chăm sóc trẻ em cho đội ngũ làm công tác trẻ em các cấp, các ngành, các tổ chức, đặc biệt là cấp cơ sở; cha mẹ, người chăm sóc trẻ em và trẻ em; phối hợp với các sở, ngành có liên quan củng cố hệ thống cơ sở, mô hình cung cấp dịch vụ đáp ứng thực hiện quyền trẻ em.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về trẻ em, kết nối liên thông với cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia và các cơ sở dữ liệu khác trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; chủ trì, phối hợp thực hiện các cuộc khảo sát, điều tra, nghiên cứu về trẻ em, tình hình xâm hại trẻ em và các tác động đến việc thực hiện quyền trẻ em.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành kiểm tra, thanh tra liên ngành và chuyên đề về trách nhiệm thực hiện quyền trẻ em, chính sách, pháp luật về bảo vệ trẻ em.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình; định kỳ báo cáo UBND tỉnh và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

2. Sở Tư pháp

- Chủ trì xây dựng, hướng dẫn triển khai thực hiện chỉ tiêu 14 của Chương trình.
- Triển khai chính sách, pháp luật về tư pháp liên quan đến trẻ em và người chưa thành niên; triển khai chương trình quốc gia về tư pháp người chưa thành niên.
- Truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ trẻ em trong quá trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính.
- Xây dựng, hướng dẫn, thực hiện và phát triển mô hình về cung cấp dịch vụ nuôi con nuôi trong nước.

3. Công an tỉnh

Chủ trì thực hiện công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm hại trẻ em. Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các Sở, ngành liên quan, địa phương trong việc phối hợp hỗ trợ, can thiệp, bảo vệ an toàn cho trẻ em là nạn nhân bị xâm hại; phòng ngừa tái phạm, quản lý, giáo dục trẻ em và người chưa thành niên vi phạm pháp luật.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì xây dựng, hướng dẫn triển khai thực hiện các chỉ tiêu 7, 15, 16, 17, 18, 19, 20 của Chương trình.
- Triển khai chính sách, giải pháp nhằm giảm thiểu tình trạng trẻ em bỏ học đặc biệt là trẻ em vùng dân tộc thiểu số và miền núi; duy trì và mở rộng các trường bán trú và dân tộc nội trú.
- Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, không có bạo lực; nâng cao kiến thức, kỹ năng cho cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên và học sinh về quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em; xây dựng, hướng dẫn, thực hiện và phát triển mô hình đối thoại học đường để thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em trong trường học; mô hình cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em trong trường học.
- Triển khai việc phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong hoạt động giáo dục, đặc biệt là giáo dục lối sống văn hóa, rèn luyện đạo đức cho học sinh. Tích hợp, lồng ghép các nội dung có sự tham gia của trẻ em vào các chương trình chính khóa và hoạt động ngoại khóa phù hợp với cấp học, năng lực, sự phát triển của trẻ em.

5. Sở Y tế

- Chủ trì xây dựng, hướng dẫn triển khai thực hiện các chỉ tiêu 3, 4, 5, 6 của Chương trình. Phối hợp với Sở Lao động - TB&XH triển khai thực hiện chỉ tiêu số 11.
- Thực hiện các giải pháp, chương trình, đề án về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ em, đặc biệt là trẻ em vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

- Hướng dẫn, hỗ trợ chăm sóc sức khỏe cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em bị xâm hại, trẻ em di cư, trẻ em bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường; từng bước xây dựng, thực hiện mô hình cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em trong bệnh viện.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì xây dựng, hướng dẫn triển khai thực hiện các chỉ tiêu 13, 21 của Chương trình; ưu tiên xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao dành cho trẻ em, nhất là các địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bảo đảm hoạt động biểu diễn, sáng tác nghệ thuật có nội dung phù hợp với văn hóa truyền thống, phù hợp với trẻ em theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các giải pháp bảo vệ trẻ em, phòng ngừa xâm hại trẻ em trong các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, quản lý chặt chẽ các sản phẩm văn hóa và việc tổ chức các hoạt động văn hóa bảo đảm cho trẻ em được tiếp cận môi trường văn hóa lành mạnh.

- Hướng dẫn, trang bị kiến thức và kỹ năng cho gia đình về thực hiện quyền trẻ em; xây dựng, hướng dẫn, thực hiện và phát triển mô hình nhóm gia đình đồng hành cùng trẻ em để thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em trong gia đình.

- Tăng cường các biện pháp phòng ngừa nguy cơ bạo lực, xâm hại trẻ em trong các hoạt động du lịch; Phối hợp với ngành Công an có biện pháp quản lý chặt chẽ các đối tượng hoạt động du lịch, nhất là khách du lịch là người nước ngoài có án tích về xâm hại trẻ em đến địa phương.

- Thanh tra, kiểm tra và chỉ đạo, xử lý nghiêm cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi xâm hại trẻ em trong hoạt động du lịch và thực hiện các nhiệm vụ phát sinh theo yêu cầu nhiệm vụ và của cấp có thẩm quyền.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, tổ chức cá nhân hoạt động trên môi trường mạng ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông, vận động xã hội thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình; phổ biến kiến thức, kỹ năng về bảo vệ trẻ em, phòng ngừa xâm hại trẻ em trên môi trường và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên không gian mạng.

- Hướng dẫn các đơn vị, địa phương thực hiện các giải pháp bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng như: Thiết lập các kênh thông tin để tiếp nhận, phản ánh thông tin về bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng; bảo đảm quyền bí mật đời sống riêng tư của trẻ em trong hoạt động thông tin, truyền thông.

- Thực hiện các giải pháp về công nghệ thông tin để thúc đẩy thực hiện quyền trẻ em, bảo đảm sự an toàn cho trẻ em khi tham gia môi trường mạng; xây

dựng, hướng dẫn, thực hiện và phát triển mô hình tăng cường năng lực của trẻ em tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ phóng viên, biên tập viên các cơ quan báo chí về thực hiện quyền trẻ em trong hoạt động thông tin, truyền thông.

8. Sở Tài chính

Chủ trì, tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thường xuyên thực hiện Chương trình trong dự toán ngân sách hàng năm của các Sở, ngành và địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

9. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Đưa các mục tiêu quan trọng của Chương trình hành động vì trẻ em vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và hướng dẫn các địa phương đưa vào chương trình kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Lồng ghép có hiệu quả các chương trình, dự án đầu tư trên địa bàn gắn với mục tiêu bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Phối hợp với Sở Tài chính bố trí ngân sách thực hiện các chương trình, đề án liên quan đến thực hiện các mục tiêu của Chương trình hành động vì trẻ em. Hướng dẫn huy động các nguồn vốn trong nước, vốn viện trợ của các tổ chức quốc tế cho công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

10. Các sở, ngành liên quan: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao có trách nhiệm đưa hoặc lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hằng năm của bộ, ngành; ban hành hoặc trình UBND tỉnh ban hành chương trình, đề án, kế hoạch để giải quyết các vấn đề về trẻ em thuộc lĩnh vực quản lý; báo cáo kết quả thực hiện Chương trình gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

11. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Xây dựng, triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch hành động vì trẻ em của địa phương giai đoạn 2021 - 2030 và đưa, lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của chương trình, kế hoạch vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hằng năm của địa phương.

- Bố trí ngân sách thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của chương trình, kế hoạch hành động vì trẻ em của địa phương; đối ứng ngân sách địa phương để thực hiện, nhân rộng các mô hình, giải pháp về thực hiện quyền trẻ em trong các chương trình, kế hoạch, dự án do nguồn ngân sách tỉnh và viện trợ quốc tế hỗ trợ; rà soát, ưu tiên đầu tư ngân sách địa phương để xây dựng các cơ sở có chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em trên địa bàn.

- Thường xuyên kiểm tra, thanh tra, rà soát việc bảo đảm môi trường sống an

toàn, lành mạnh, thân thiện với trẻ em; phòng, chống xâm hại trẻ em và tai nạn, thương tích trẻ em; chỉ đạo xử lý nghiêm và kịp thời các vụ việc xâm hại trẻ em trên địa bàn.

- Theo dõi, đánh giá việc thực hiện chương trình, kế hoạch hành động vì trẻ em của địa phương (*sơ kết vào năm 2025 và tổng kết vào năm 2030*) và tổng hợp kết quả thực hiện về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và các tổ chức thành viên khác với phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của mình tham gia thực hiện:

- Tiếp tục thực hiện và nhân rộng phong trào "*Toàn dân chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em*" để tạo được môi trường sống an toàn, thân thiện, lành mạnh cho trẻ em, bảo đảm tất cả trẻ em có cơ hội phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, tinh thần và đạo đức. Đa dạng hóa các hoạt động tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, kỹ năng về bảo vệ, chăm sóc giáo dục trẻ em và thực hiện quyền trẻ em.

- Tham gia giám sát việc thực hiện pháp luật về quyền trẻ em và bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

- Tham gia và vận động xã hội thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động vì trẻ em tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2030./.

BẢNG TỔNG HỢP CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU
Chương trình hành động vì trẻ em tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2030
(Kèm theo Quyết định số 592/QĐ-UBND ngày 05/5/2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

1. **Tổng số:** 04 mục tiêu và 24 chỉ tiêu.
2. **Các đơn vị chủ trì thực hiện:** 05 đơn vị, trong đó:
 - Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: Chủ trì thực hiện 10 chỉ tiêu gồm: 1, 2, 8, 9, 10, 11, 12, 22, 23, 24.
 - Sở Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì thực hiện 7 chỉ tiêu gồm: 7, 15, 16, 17, 18, 19, 20.
 - Sở Y tế: Chủ trì thực hiện 4 chỉ tiêu gồm: 3, 4, 5, 6. Phối hợp thực hiện chỉ tiêu số 11.
 - Sở Tư pháp: Chủ trì thực hiện chỉ tiêu 14.
 - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chủ trì thực hiện chỉ tiêu 13 và 21.
3. **Các đơn vị phối hợp:** Các sở, ngành, đoàn thể của tỉnh và các địa phương.

Chỉ tiêu quốc gia	Chỉ tiêu của tỉnh			Đơn vị chủ trì
	Kết quả năm 2020	Dự kiến năm 2025	Dự kiến năm 2030	
MỤC TIÊU 1: Về phát triển toàn diện trẻ em, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ em				
Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em đạt 65% vào năm 2025 và 75% vào năm 2030.	Không đánh giá (theo quy định tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 03/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ)	75% (81/108)	80% (86/108)	Sở Lao động - TBXH

Chỉ tiêu quốc gia	Chỉ tiêu của tỉnh			Đơn vị chủ trì
	Kết quả năm 2020	Dự kiến năm 2025	Dự kiến năm 2030	
Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ trẻ em đến 8 tuổi được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ chăm sóc phát triển toàn diện đạt 90% vào năm 2025 và 95% vào năm 2030.	Không thống kê	80%	85%	Sở Lao động - TBXH
Chỉ tiêu 3: - Giảm tỷ suất tử vong trẻ sơ sinh trên 1.000 trẻ đẻ sống dưới 9,5 vào năm 2025 và dưới 9 vào năm 2030;	2,3‰	< 5‰	< 3‰	Sở Y tế
- Giảm tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống xuống 12,5 vào năm 2025 và 10 vào năm 2030;	9‰	<10‰	<8‰	
- Giảm tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống dưới 18,5 vào năm 2025 và dưới 15 vào năm 2030.	9,5‰	<15‰	<10‰	
Chỉ tiêu 4: - Phân đầu giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể cân nặng theo tuổi xuống dưới 9% vào năm 2025 và dưới 6% vào năm 2030;	17,1 (số liệu 2019)	16,5	< 16,0	Sở Y tế
- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể chiều cao theo tuổi xuống 17% vào năm 2025 và dưới 15% vào năm 2030;	27,5 (số liệu 2019)	26,9	< 26,4	
- Giảm tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể béo phì xuống dưới 5% đối với nông thôn và dưới 10% đối với thành thị vào năm 2025 và năm 2030.	1,0 (số liệu 2019)	< 5% (nông thôn) < 10% (thành thị)	< 5% (nông thôn) < 10% (thành thị)	

Chỉ tiêu quốc gia	Chỉ tiêu của tỉnh			Đơn vị chủ trì
	Kết quả năm 2020	Dự kiến năm 2025	Dự kiến năm 2030	
Chỉ tiêu 5: - Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin đạt 97% vào năm 2025 và 98% vào năm 2030; - 98% trẻ em dưới 5 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin vào năm 2030.	97,7%	97,8%	98%	Sở Y tế
Chỉ tiêu 6: Tỷ lệ lây truyền HIV từ mẹ sang con là 2% vào năm 2030.	< 2	< 2	0	Sở Y tế
Chỉ tiêu 7: Phấn đấu 100% cơ sở giáo dục cho trẻ em có công trình vệ sinh vào năm 2025 và duy trì 100% đến năm 2030.	100%	100%	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo
MỤC-TIÊU 2: Về bảo vệ trẻ em				
Chỉ tiêu 8: - Giảm tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên tổng số trẻ em xuống dưới 6,5% vào năm 2025 và 6% vào năm 2030; - 90% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp vào năm 2025 và 95% vào năm 2030.	- Tỷ lệ TE có HCĐB: 1% - Tỷ lệ TE có HCĐB được chăm sóc: 90%	- Tỷ lệ TE có HCĐB: <1,2% - Tỷ lệ TE có HCĐB được chăm sóc: 90%	- Tỷ lệ TE có HCĐB: < 1% - Tỷ lệ TE có HCĐB được chăm sóc: 95%	Sở Lao động - TBXH
Chỉ tiêu 9: Giảm tỷ lệ trẻ em bị xâm hại trên tổng số trẻ em xuống dưới 4,5% vào năm 2025 và xuống dưới 4% vào năm 2030.	0,08%	<0,2%	<0,1%	Sở Lao động - TBXH
Chỉ tiêu 10: Phấn đấu giảm tỷ lệ lao động trẻ em và người chưa thành niên từ 5 đến 17 tuổi xuống 4,9% vào năm 2025 và xuống 4,5% vào năm 2030.	Không thống kê	<1,5%	<1%	Sở Lao động - TBXH

Chỉ tiêu quốc gia	Chỉ tiêu của tỉnh			Đơn vị chủ trì
	Kết quả năm 2020	Dự kiến năm 2025	Dự kiến năm 2030	
Chỉ tiêu 11: - Giảm tỷ suất trẻ em bị tai nạn thương tích xuống 550/100.000 trẻ em vào năm 2025 và 500/100.000 vào năm 2030;	- Tỷ suất TE bị TNTT: 5/1.000	- Tỷ suất TE bị TNTT: 4/1.000	- Tỷ suất TE bị TNTT: 3/1.000	Sở Y tế
- Giảm tỷ suất trẻ em bị tử vong do tai nạn thương tích xuống còn 16/100.000 trẻ em vào năm 2025 và xuống còn 15/100.000 vào năm 2030.	- Tỷ suất TE bị tử vong do TNTT: 0,1/1.000	- Tỷ suất TE bị tử vong do TNTT: 0,1/1.000	- Tỷ suất TE bị tử vong do TNTT: 0,1/1.000	
Chỉ tiêu 12: Phần đầu 100% trẻ em gặp thiên tai, thảm họa được cứu trợ, hỗ trợ kịp thời.	100%	100%	100%	Sở Lao động - TBXH
Chỉ tiêu 13: Từng bước xóa bỏ tình trạng tảo hôn, duy trì mức giảm số cuộc tảo hôn từ 2 đến 3% hằng năm giai đoạn từ năm 2025 đến năm 2030.	0,05%	2%-3%	2%-3%	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chỉ tiêu quốc gia	Chỉ tiêu của tỉnh			Đơn vị chủ trì
	Kết quả năm 2020	Dự kiến năm 2025	Dự kiến năm 2030	
Chỉ tiêu 14: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được đăng ký khai sinh đạt 98,5% vào năm 2025, phấn đấu 100% vào năm 2030.	97,2%	98,5%	100%	Sở Tư pháp
MỤC TIÊU 3: Về giáo dục, văn hóa, vui chơi, giải trí cho trẻ em				
- Chỉ tiêu 15: Phấn đấu tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được phát triển phù hợp về sức khỏe, học tập và tâm lý xã hội đạt 99,1% vào năm 2025 và 99,3% vào năm 2030.	69,82%	72%	75%	Sở Giáo dục và Đào tạo
Chỉ tiêu 16: Tỷ lệ huy động trẻ em 5 tuổi đi học mẫu giáo đạt 99,1% vào năm 2025 và 99,3% vào năm 2030.	100%	100%	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo
Chỉ tiêu 17: - Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp tiểu học đạt 97% vào năm 2025 và đạt 99% vào năm 2030;	99,54%	99,54%	99,60%	Sở Giáo dục và Đào tạo
- Phấn đấu giảm tỷ lệ trẻ em bỏ học bậc tiểu học dưới 0,12% vào năm 2025 và dưới 0,1% vào năm 2030.	0,01%	0,1%	0,08%	
Chỉ tiêu 18: - Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp trung học cơ sở đạt 88% vào năm 2025 và đạt 93% vào năm 2030;	100%	100%	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo

Chỉ tiêu quốc gia	Chỉ tiêu của tỉnh			Đơn vị chủ trì
	Kết quả năm 2020	Dự kiến năm 2025	Dự kiến năm 2030	
- Phân đầu giảm tỷ lệ trẻ em bỏ học cấp trung học cơ sở dưới 0,14% vào năm 2025 và dưới 0,05% vào năm 2030.	0,21%	0,15%	0,10%	
Chỉ tiêu 19: Phân đầu 95% trường học có dịch vụ hỗ trợ tâm lý trẻ em vào năm 2025.	100%	100%	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo
Chỉ tiêu 20: - Tỷ lệ trường học có cơ sở hạ tầng và tài liệu phù hợp với học sinh, sinh viên khuyết tật đạt 55% vào năm 2025 và 60% vào năm 2030;	Không thống kê	55%	60%	Sở Giáo dục và Đào tạo
- Tỷ lệ trẻ em khuyết tật có nhu cầu học tập được tiếp cận giáo dục chuyên biệt, giáo dục hòa nhập và hỗ trợ phục hồi chức năng phù hợp đạt 80% vào năm 2025 và đạt 90% vào năm 2030.	Không thống kê	75%	85%	
Chỉ tiêu 21: Phân đầu tỷ lệ các xã, phường, thị trấn có điểm văn hóa, vui chơi dành cho trẻ em đạt 40% vào năm 2025 và 45% vào năm 2030.	33,3%	40%	45%	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
MỤC TIÊU 4: Về sự tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em				

Chỉ tiêu quốc gia	Chỉ tiêu của tỉnh			Đơn vị chủ trì
	Kết quả năm 2020	Dự kiến năm 2025	Dự kiến năm 2030	
Chỉ tiêu 22: Phân đầu 30% trẻ em từ 07 tuổi trở lên được hỏi ý kiến về các vấn đề của trẻ em với các hình thức phù hợp vào năm 2025 và 35% vào năm 2030.	Không thống kê	20%	30%	Sở Lao động - TBXH
Chỉ tiêu 23: Phân đầu 85% trẻ em được nâng cao nhận thức, năng lực về quyền tham gia của trẻ em vào năm 2025 và 90% vào năm 2030.	Không thống kê	80%	90%	Sở Lao động - TBXH
Chỉ tiêu 24: Tỷ lệ trẻ em từ 11 tuổi trở lên được tham gia vào các mô hình, hoạt động thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em đạt 30% vào năm 2025 và 35% vào năm 2030.	Không thống kê	25%	30%	Sở Lao động - TBXH